TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN PHONG** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày 19/11/2019

V/v *" Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Minh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Tiến.
2. Ông Tạ Xuân Xế.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện VKSND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:

Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/11/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2019/TLST-DS, ngày 27/9/2019 về việc " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh 1964; Chị Đặng Thị L, sinh 1966.

Trú tại: Thôn Q, xã V, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

(chị Đặng Thị L ủy quyền cho chồng là anh Nguyễn Văn L có mặt).

Bị đơn: Chị Nghiêm Thị H, sinh 1979; Anh Nguyễn Văn Th, sinh 1976.

Trú tại: Thôn Q, xã V, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

(anh Nguyễn Văn Th ủy quyền cho vợ là chị Nghiêm Thị H có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh Nguyễn Văn L1, sinh 1970; Trú tại: Thôn Q, xã V, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bầy tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Văn L trình bày: Ngày 26/7/2017 vợ chồng tôi (L) có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Th, chị Nghiêm Thị H ở thôn Q, xã V vay 500.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có giấy vay tiền, trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận

thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày 26/7/2017 đến ngày 26/7/2019, lãi suất không yêu cầu. Ngoài ra trong giấy vay tiền các bên còn có thỏa thuận nếu đến ngày 26/7/2019 anh Th, chị H không thanh toán trả vợ chồng tôi số tiền đã vay thì ông Nguyễn Văn L1, sinh 1970 ở thôn Q, xã V là người bảo lãnh phải trả thay cho vợ chồng Th, H. Vợ chồng H, Th và ông L1 là người nhận bảo lãnh có ký tên vào giấy vay tiền. Sau khi vay tiền ngày 19/7/2019 vợ chồng H, Th trả được 60.000.000 đồng, tiếp đó ngày 29/8/2019 trả 40.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Hiện vợ chồng Th, H còn nợ vợ chồng tôi số tiền là 400.000.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng Th, H phải trả vợ chồng tôi số tiền gốc là 400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/7/2019 cho đến nay. Nếu vợ chồng Th, H không thanh toán trả vợ chồng tôi cả gốc và lãi tôi yêu cầu ông Nguyễn Văn L1 là người bảo lãnh phải trả số tiền trên cho vợ chồng tôi.

Chị Nghiêm Thị H trình bày: Ngày 26/7/2017 vợ chồng tôi (H) có vay của vợ chồng anh Nguyễn Văn L, chị Đặng Thị L ở thôn Q, xã V 500.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có giấy vay tiền, trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 02 năm đến ngày 26/7/2019, lãi suất không yêu cầu. Ngoài ra trong giấy vay tiền các bên còn có thỏa thuận nếu đến ngày 26/7/2019 vợ chồng tôi không thanh toán trả anh L, chị L số tiền đã vay thì ông Nguyễn Văn L1, sinh 1970 ở thôn Q, xã V là người bảo lãnh phải trả thay cho vợ chồng tôi. Vợ chồng tôi và ông L1 là người nhận bảo lãnh có ký tên vào giấy vay tiền. Sau khi vay tiền ngày 19/7/2019 vợ chồng tôi đã trả cho anh L, chị L 60.000.000 đồng, tiếp đó ngày 29/8/2019 trả 40.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Hiện vợ chồng tôi còn nợ anh L, chị L số tiền là 400.000.000 đồng.

Nay anh L, chị L yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền gốc là 400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/7/2019 cho đến nay. Nếu vợ chồng tôi không thanh toán trả anh L, chị L cả gốc và lãi thì ông Nguyễn Văn L1 là người bảo lãnh phải trả số tiền trên cho vợ chồng tôi. Vợ chồng xác nhận có vay và đồng ý trả anh L, chị L nhưng do hiện nay vợ chồng tôi đang có khó khăn về kinh tế nên vợ chồng tôi xin được trả dần số tiền trên và không cần ông L1 phải trả thay vợ chồng tôi.

Anh Nguyễn Văn L1 trình bày: Ngày 26/7/2017 tôi (L) có nhận bảo lãnh cho khoản tiền 500.000.000 đồng vợ chồng H, Th vay của anh L, chị L. Theo nội dung bảo lãnh nếu đến ngày 26/7/2019 vợ chồng Th, H không thanh toán trả anh L, chị L thì tôi có trách nhiện trả thay cho vợ chồng H, Th. Nhưng do hiện nay vợ chồng H, Th đang khó khăn và vẫn đang thu xếp để trả anh L, chị L nên tôi xin anh L, chị L cho vợ chồng H, Th được trả dần số tiền trên trong một thời gian nhất định. Nếu vợ chồng H, Th vẫn không trả thì tôi sẽ có trách nhiệm trả thay.

Tại phiên toà: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác nhận ngày 19/11/2019 vợ chồng H, Th đã chuyển khoản cho vợ anh 20.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu vợ chồng H, Th phải trả số tiền gốc còn lại là 380.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 27/7/2019 đến nay trên số nợ gốc là 400.000.000 đồng.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận số tiền còn nợ là đúng và xin được trả dần số tiền trên.

Giữa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất và không có tranh chấp với nhau về nội dung Hợp đồng vay tài sản, số tiền gốc anh anh Th, chị H còn nợ anh L, chị L. Đây là những vấn đề không cần phải chứng minh trong vụ án. Giữa các bên đương sự chỉ chưa thống nhất được với nhau về phương thức, thời gian trả nợ.

Đại diện VKSND huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 147 BLTTDS.

Căn cứ vào Điều 335, 336, 340, 442, 463, 464, 465, 466, 468, 470, 688 BLDS năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Văn Th, chị Nghiêm Thị H phải trả anh Nguyễn Văn L, chị Đặng Thị L số tiền gốc là 380.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tại Điều 468 BLDS tính từ ngày 26/7/2019 đến ngày 19/11/2019 là 12.712.000 đồng (400.000.000 đồng x10%/năm x 116 ngày = 12.712.000 đồng). Tổng cộng là 392.712.000 đồng.

Nếu anh Th, chị H không trả anh L, chị L số tiền trên thì anh Nguyễn Văn L1 là người nhận bão lãnh phải trả thay cho vợ chồng H, Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hợp đồng vay tài sản ngày 26/7/2017 giữa anh Nguyễn Văn L, chị Đặng Thị L với anh Nguyễn Văn Th, chị Nghiêm Thị H; Nội dung và phạm vi bảo lãnh trong hợp đồng vay tài sản là hợp pháp. Khi ký kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nội dung và hình thức cũng như các thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật. Theo nội dung Hợp đồng tổng số tiền anh Th, chị H vay của anh L, chị L là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày 26/7/2017, không có lãi suất. Xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không có lãi. Sau khi vay anh Th, chị H đã trả anh L, chị L tổng số tiền là 120.000.000 đồng, hiện anh Th, chị H còn nợ anh L, chị L 380.000.000 đồng. Việc anh Th, chị H không trả nợ cho anh L, chị L khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

[2] Xét yêu cầu của anh L, chị L yêu cầu anh Th, chị H phải trả số tiền gốc là 380.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật HĐXX nhận thấy: Yêu cầu này của anh L, chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 466 BLDS năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên cần được chấp nhận để

buộc anh Th, chị H phải trả cho anh L, chị L số tiền gốc là 380.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/7/2019 đến ngày 19/11/2019 là 12.712.000 đồng (400.000.000 đồng x 10%/năm x 116 ngày = 12.712.000 đồng). Tổng cộng là 392.712.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của anh L, chị L yêu cầu người nhận bảo lãnh là Nguyễn Văn L1 phải trả thay cho anh Th, chị H nếu anh Th, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ HĐXX nhận thấy: Tại phiên tòa anh L1 là người nhận bảo lãnh trình bày ngày 26/7/2017 anh có nhận bảo lãnh trả nợ thay cho anh Th, chị H là đúng tuy nhiên ngày hôm đó do anh L, chị L không chịu hủy giấy vay nợ khi anh cùng vợ chồng Th, H mang 4.000.000.000 đồng đến trả nợ do vậy anh mới phải ký bảo lãnh cho vợ chồng H, Th khi anh L, chị L lại buộc vợ chồng H, Th phải viết thêm giấy nhận nợ 500.000.000 đồng. Do hiện nay anh và vợ chồng H, Th đều đang gặp khó khăn về kinh tế nên anh chỉ đồng ý trả nợ thay cho vợ H, Th nếu vợ chồng H, Th không còn khả năng trả nợ cho anh L, chị L. Xét thấy việc nhận bảo lãnh của anh L1 không rõ ràng về nội dung cũng như phạm vi nhận bảo lãnh, tuy nhiên anh L1 vẫn đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình nếu anh Th, chị H không còn khả năng trả nợ do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh L, chị L.

[4] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Giảm 50% khoản tiền án phí phải chịu cho anh Th, chị H vì xét thấy anh Th, chị H đang gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; 239; 243; 248; 260; 264; 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 464, 465, 466, 468, 470, 688 BLDS năm 2015.

Căn cứ vào Điều 335, 336, 339, 340, 442 BLDS.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

1. Buộc anh Nguyễn Văn Th, chị Nghiêm Thị H phải trả cho anh Nguyễn Văn L, chị Đặng Thị L số tiền gốc là 380.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 26/7/2019 đến ngày 19/11/2019 là 12.712.000 đồng. Tổng cộng là 392.712.000 đồng (ba trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án không tự giác thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp anh Nguyễn Văn Th, chị Nghiêm Thị H không còn khả năng trả nợ cho anh L, chị L thì anh Nguyễn Văn L1 là người nhận bảo lãnh phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho anh Th, chị H.

2. Về án phí: anh Th, chị H phải chịu 19.635.600 đồng án phí DSST. Giảm 50% khoản tiền án phí phải chịu cho anh Th, chị H. Anh Th, chị H còn phải chịu 9.817.800 đồng (chín triệu, tám trăm mười bẩy nghìn, tám trăm đồng) án phí DSST.

Hoàn trả anh L, chị L 4.440.000 đồng (bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2018/0001205 ngày 25/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:
- Toà án tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng khác.
- THA huyện Yên Phong.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Chu Minh Nam